

Phụ lục X
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÔNG
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày /02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Giá đất trồng lúa nước 2 vụ:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Kmar	35.000	32.000	28.000
2	Xã Cư Drăm	27.500	24.200	22.000
3	Xã Cư Kty	28.000	25.000	22.000
4	Xã Cư Pui	28.000	25.000	22.000
5	Xã Dang Kang	25.000	22.000	20.000
6	Xã Ea Trul	25.000	22.000	20.000
7	Xã Hòa Lễ	33.600	30.000	26.400
8	Xã Hòa Phong	28.000	25.000	-
9	Xã Hòa Sơn	25.000	22.000	20.000
10	Xã Hòa Tân	28.000	25.000	22.000
11	Xã Hòa Thành	25.000	22.000	-
12	Xã Khuê Ngọc Điền	25.000	22.000	20.000
13	Xã Yang Mao	27.500	24.200	22.000
14	Xã Yang Reh	25.000	22.000	20.000

Ghi chú: Đối với đất trồng lúa nước 01 vụ, giá đất được tính bằng 70% đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã.

1.1. Thị trấn Krông Kmar

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 7, Tổ dân phố 8
- Vị trí 2: Tổ dân phố 5, tổ dân phố 6
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.2. Xã Cư Drăm

- Vị trí 1: Buôn Cư Drăm, buôn Chàm A, buôn Chàm B, buôn Tang Rang A
- Vị trí 2: Thôn 1, Thôn 2, buôn Luêh, buôn Tang Rang B
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.3. Xã Cư Kty

- Vị trí 1: Cánh đồng 16, đồng 31, đồng 42
- Vị trí 2: Cánh đồng Cầu Ri, đồng 18
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.4. Xã Cư Pui

- Vị trí 1: Cánh đồng buôn Phung, buôn Blăk, buôn Khanh, thôn Điện Tân, thôn Ea Lang
- Vị trí 2: Cánh đồng thôn Nhung Knung, buôn Khóa
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.5. Xã Dang Kang

- Vị trí 1: Cánh đồng 18, đồng 31
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại
- Vị trí 3: Cánh đồng thôn 3, buôn Dang Kang, buôn Cư Num B

1.6. Xã Ea Trul

- Vị trí 1: Cánh đồng Hồ Chuôi, buôn Krông, Thôn 3, cánh đồng Buôn Plum
- Vị trí 2: Thôn 2, buôn KTLuôt, buôn Băng Kung, buôn Plum
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.7. Xã Hòa Lễ

- Vị trí 1: Cánh đồng thôn 3, thôn 9, thôn 10, Hố Kè (Thôn 4), Bàu Sen (Thôn 11)
- Vị trí 2: Cánh đồng thôn 1, thôn 2, thôn 5
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.8. Xã Hòa Phong

- Vị trí 1: Cánh đồng thôn 5, thôn 6, buôn Ngô A, buôn Ngô B, Cư Phaing
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.9. Xã Hòa Sơn

- Vị trí 1: Đồng Lớn, đồng Đất Cày, đồng 14, đồng Bàu Ba, đồng Bàu Môn
- Vị trí 2: Đồng Lò Gạch, đồng Khẩu, đồng 13 ha, đồng Dân Tộc, đồng Suối Cát, đồng Sết
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.10. Xã Hòa Tân

- Vị trí 1: Cánh đồng Bình An (Trừ cánh đồng Bàu Lỡ)
- Vị trí 2: Cánh đồng xây dựng, cánh đồng Đồng tâm, cánh đồng Quyết Tâm
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.11. Xã Hòa Thành

- Vị trí 1: Khu A, khu B, Lách, Bàu Con Ngỗng
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

1.12. Xã Khuê Ngọc Điền

- Vị trí 1: Đồng Lép Ương, đồng Gò Lư, đồng Bầu Sen, đồng Hòa Lễ, đồng Bầu Châu, đồng Hội An, đồng Trung Tâm, Thôn 6

- Vị trí 2: Đồng Kỳ Vinh

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.13. Xã Yang Mao

- Vị trí 1: Cánh đồng buôn Kiêu, buôn Hàng Năm, buôn M'ghi

- Vị trí 2: Cánh đồng buôn Tul, buôn Tar

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

1.14. Xã Yang Reh

- Vị trí 1: Đồng vườn cam, đồng đội giống, đồng thôn 3, đồng cao sản

- Vị trí 2: Đồng mẫu 7, đồng mẫu 9, đồng buôn Cuah A, đồng buôn Cuah B, đồng đại trà

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Giá đất trồng cây hàng năm khác:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất đề điều chỉnh		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Kmar	34.650	31.500	26.250
2	Xã Cư Drăm	26.400	24.200	22.000
3	Xã Cư Kty	26.000	24.000	22.000
4	Xã Cư Pui	26.000	24.000	22.000
5	Xã Dang Kang	24.000	22.000	
6	Xã Ea Trul	26.000	24.000	22.000
7	Xã Hòa Lễ	31.200	28.800	26.400
8	Xã Hòa Phong	24.000	22.000	
9	Xã Hòa Sơn	24.000	22.000	20.000
10	Xã Hòa Tân	24.000	22.000	20.000
11	Xã Hòa Thành	22.000	20.000	
12	Xã Khuê Ngọc Điền	24.000	22.000	
13	Xã Yang Mao	26.400	24.200	22.000
14	Xã Yang Reh	26.000	24.000	22.000

2.1. Thị trấn Krông Kmar

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 3, tổ dân phố 4

- Vị trí 2: Tổ dân phố 5, tổ dân phố 6

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.2. Xã Cư Drăm

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, buôn Tang Rang B
- Vị trí 2: Buôn Cư Drăm, buôn Chàm A, buôn Chàm B
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.3. Xã Cư Kty

- Vị trí 1: Đồng Nà Bình Hải đến đồng Rọ Heo (Thôn 2), đồi 16 (Thôn 1)
- Vị trí 2: Hết đồng Nà Rọ Heo đến đồng Nà Bàu Cắm (Thôn 3), đồng Cư Đrik (Thôn 6, Thôn 4)
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.4. Xã Cư Pui

- Vị trí 1: Cánh đồng Điện Tân (Thôn Điện Tân), buôn Khanh, buôn Blăk, buôn Phung, buôn Khóa, cánh đồng Ea Hút (Thôn Ea Uôl)
- Vị trí 2: Cánh đồng Đăk Tuôr (Buôn Đăk Tuôr), thôn Dung Knung, thôn Ea Bar, thôn Ea Lang, thôn Ea Uôl
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.5. Xã Dang Kang

- Vị trí 1: Buôn Cư Păm
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

2.6. Xã Ea Trul

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Buôn Krông, buôn Plum, buôn Băng Kung, buôn Cư Mĩl
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.7. Xã Hòa Lễ

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 6, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 12
- Vị trí 2: Thôn 2, thôn 3, thôn 5
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.8. Xã Hòa Phong

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, buôn Tliêr, đồng Sân Bay (Thôn 1), đồng Trời Đào (Thôn 1)
- Vị trí 2: Thôn 2 (Tổ Vân Kiêu) và Các khu vực còn lại

2.9. Xã Hòa Sơn

- Vị trí 1: Thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại
- Vị trí 3: Thôn 1, thôn Tân Sơn

2.10. Xã Hòa Tân

- Vị trí 1: Thôn 4, thôn 5, thôn 6
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 3, đồng xây dựng (Thôn 1), đồng trung tâm (Thôn 3)
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.11. Xã Hòa Thành

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

2.12. Xã Khuê Ngọc Điền

- Vị trí 1: Khu vực cánh đồng (Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 12)

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

2.13. Xã Yang Mao

- Vị trí 1: Thôn 2, thôn 3, buôn M'ngang Dong
- Vị trí 2: Buôn Tar, buôn M'ghi
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.14. Xã Yang Reh

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 3
- Vị trí 2: Buôn Cuah A, buôn Cuah B, thôn 4
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Giá đất trồng cây lâu năm:**ĐVT: đồng/m²**

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Krông Kmar	54.000	50.400	45.600
2	Xã Cư Drăm	35.200	33.000	30.800
3	Xã Cư Kty	32.000	30.000	28.000
4	Xã Cư Pui	30.000	28.000	26.000
5	Xã Dang Kang	32.000	30.000	28.000
6	Xã Ea Trul	32.000	30.000	28.000
7	Xã Hòa Lễ	38.400	36.000	33.600
8	Xã Hòa Phong	30.000	28.000	-
9	Xã Hòa Sơn	30.000	28.000	26.000
10	Xã Hòa Tân	30.000	28.000	26.000
11	Xã Hòa Thành	30.000	28.000	-
12	Xã Khuê Ngọc Điền	30.000	28.000	-
13	Xã Yang Mao	35.200	33.000	30.800
14	Xã Yang Reh	30.000	28.000	26.000

3.1. Thị trấn Krông Kmar

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 3, tổ dân phố 4
- Vị trí 2: Tổ dân phố 5, tổ dân phố 6
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.2. Xã Cư Drăm

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2
- Vị trí 2: Thôn Ea Luêh, thôn Ea Hăn, thôn Yang Hăn
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.3. Xã Cư Kty

- Vị trí 1: Đồng Cư Đrik (Thôn 6), đồi Cư Păm (Thôn 4), đồi Cư Đrang (Thôn 8)
- Vị trí 2: Đồng 16 (Thôn 1), đồi lò gạch (Thôn 2)
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.4. Xã Cư Pui

- Vị trí 1: Cánh đồng Điện Tân (Thôn Điện Tân), buôn Khanh, buôn Blăk, buôn Phung, buôn Khóa, cánh đồng Ea Hút (Thôn Ea Uôl)
- Vị trí 2: Cánh đồng Đăk Tuôr (Buôn Đăk Tuôr), thôn Dung Knung, thôn Ea Bar, thôn Ea Lang, thôn Ea Uôl
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.5. Xã Dang Kang

- Vị trí 1: Đồi Dang Kang Thượng, Hạ (Buôn Dang Kang, buôn Cư Ênun A)
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, buôn Cư Ênun A, buôn Cư Ênun B, buôn Cư Păm, buôn Dang Kang
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.6. Xã Ea Trul

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Buôn Cư Mil, buôn Krông, buôn Plum
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.7. Xã Hòa Lễ

- Vị trí 1: Tổ hợp Nguyên Hà (Thôn 10)
- Vị trí 2: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 11, buôn Ngô
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.8. Xã Hòa Phong

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 3, thôn 5, thôn 6, đồng buôn Ngô A, đồng Suối Đôi (Thôn 1), đồng Trời Đào (Thôn 1), đồng Sân Bay (Thôn 1)

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3.9. Xã Hòa Sơn

- Vị trí 1: Thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 9, thôn 10, thôn Thanh Phú

- Vị trí 2: Thôn 3, thôn 8, thôn Hòa Xuân

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.10. Xã Hòa Tân

- Vị trí 1: Thôn 4, thôn 6

- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 3, thôn 5

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.11. Xã Hòa Thành

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3.12. Xã Khuê Ngọc Điền

- Vị trí 1: Thôn 6

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3.13. Xã Yang Mao

- Vị trí 1: Thôn 2, thôn 3, buôn M'ngang Dong

- Vị trí 2: Buôn Tar, buôn M'ghi

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.14. Xã Yang Reh

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 3

- Vị trí 2: Buôn Cuah A, buôn Cuah B, thôn 4

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Giá đất rừng sản xuất:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh
1	Thị trấn Krông Kmar	18.000
2	Xã Cư Drăm	15.400
3	Xã Cư Kty	14.000
4	Xã Cư Pui	14.000
5	Xã Dang Kang	12.000
6	Xã Ea Trul	12.000

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh
7	Xã Hòa Lễ	14.400
8	Xã Hòa Phong	14.000
9	Xã Hòa Sơn	14.000
10	Xã Hòa Tân	14.000
11	Xã Hòa Thành	10.000
12	Xã Khuê Ngọc Điền	10.000
13	Xã Yang Mao	15.400
14	Xã Yang Reh	12.000

5. Giá đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh
1	Thị trấn Krông Kmar	25.000
2	Xã Cư Drăm	24.200
3	Xã Cư Kty	20.000
4	Xã Cư Pui	20.000
5	Xã Dang Kang	20.000
6	Xã Ea Trul	22.000
7	Xã Hòa Lễ	25.200
8	Xã Hòa Phong	22.000
9	Xã Hòa Sơn	22.000
10	Xã Hòa Tân	20.000
11	Xã Hòa Thành	20.000
12	Xã Khuê Ngọc Điền	20.000
13	Xã Yang Mao	24.200
14	Xã Yang Reh	22.000

6. Giá đất ở tại nông thôn:

ĐVT: đồng/m²

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Xã Cư Drăm			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Pui	Cầu Ea Găm	420.000
		Cầu Ea Găm	Cầu nhà bà Mí Tuấn	660.000
		Cầu nhà bà Mí Tuấn	Đầu ranh giới thửa đất vườn nhà ông Lò Văn Mai	540.000
		Đầu ranh giới thửa đất vườn nhà ông Lò Văn Mai	Hết ranh Trạm Y tế xã	960.000
		Hết ranh Trạm Y tế xã	Ngã ba buôn Chàm	1.800.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Đườn g đi Yang Mao	Ngã ba bà Lịch	Hết đất vườn nhà ông Dương Văn Tho	1.440.000
		Hết đất vườn nhà ông Dương Văn Tho	Hết đất vườn nhà ông Ama Hậu	300.000
		Hết đất vườn nhà ông Ama Hậu	Giáp ranh xã Yang Mao	180.000
3	Đườn g đi Yang Hăn	Ngã ba buôn Chàm	Cầu buôn Chàm A	1.800.000
		Cầu buôn Chàm A	Hết đất vườn nhà bà Liều	600.000
		Hết đất vườn nhà bà Liều	Cầu ông Mười	360.000
		Cầu ông Mười	Cầu ông Nguyên	300.000
		Cầu ông Nguyên	Cầu ông Tám	264.000
		Cầu ông Tám	Cổng nhà ông Lâm	420.000
		Cổng nhà ông Lâm	Giáp ranh huyện M'Đrăk	240.000
4	Đườn g giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bình	Cầu Quang Vui	250.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà Hiền Ty	Ngã ba nhà Ama Joét	250.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Thường	Ngã ba nhà Ama Châu	250.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Nhật	Ngã ba nhà Ama Tý	250.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Năm	Ngã ba nhà Y'Xiu Niê	250.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà Vĩnh Hoàng	Giáp Bến xe	300.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà Mí Phương	Ngã ba nhà bà H'Joen	250.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Thái	Hết đất vườn nhà ông Ama Khoát	250.000
		Đầu buôn Tang Rang A	Đầu đập Ea Knao, xã Cư Drăm	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà Lịch	Hết đất vườn nhà ông Ama Ku	150.000
5	Đườn g liên xã	Ngã ba nhà bà Liều	Giáp ranh Thôn 1, xã Yang Mao	180.000
6	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại của buôn Cư Drăm			150.000
7	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại của buôn Chàm A			200.000
8	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại của buôn Chàm B			130.000
9	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			100.000
II	Xã Cư Kty			
1	Tỉnh lộ 9	Ngã ba cầu Chữ V về hướng Bắc	Ngã ba nhà ông Trần Thanh Phục	500.000
		Ngã ba nhà ông Trần Thanh Phục	Ngã ba nhà ông Lưu Châu	400.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Ngã ba nhà ông Lưu Châu	Ngã tư nhà ông Hồ Lưu Thành	450.000
		Ngã tư nhà ông Hồ Lưu Thành	Ngã tư Thăng Bình	450.000
		Ngã tư Thăng Bình	Cổng Văn hoá thôn 1	600.000
		Cổng Văn hoá thôn 1	Hết đất vườn ông Trương Văn Cường	700.000
		Hết đất vườn ông Trương Văn Cường	Hết đất vườn ông Trần Văn Đường	600.000
		Hết đất vườn ông Trần Văn Đường	Hết ranh trạm y tế xã Cư Kty	550.000
		Hết ranh trạm y tế xã Cư Kty	Ngã ba nhà ông Võ Quốc Ước	450.000
		Ngã ba nhà ông Võ Quốc Ước	Giáp ranh xã Dang Kang	350.000
2	Đườn g giao thông nông thôn	Ngã tư Thăng Bình (Về hướng Đông)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hà	220.000
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hà	Ngã tư thôn 2	190.000
		Ngã tư thôn 2	Ngã ba nhà ông Nguyễn Công Lành	150.000
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Công Lành	Hết đất vườn nhà ông Võ Văn Tính	120.000
		Ngã tư thôn 2	Cổng bà Nha	130.000
		Cổng bà Nha	Cổng 3 sào	120.000
		Cổng 3 sào	Giáp đập Cư Đrang	100.000
		Ngã ba Thăng Bình (Về hướng Tây)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Quang	200.000
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Quang	Ngã ba nhà ông Huỳnh Văn Mười	130.000
		Cuối ranh giới thửa đất vườn ông Huỳnh Duy Hồng	Ngã ba sân vận động thôn 6	200.000
		Ngã ba sân vận động thôn 6	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Bình	180.000
		Ngã ba nhà ông Phan Thanh Bình	Ngã ba nhà ông Phan Thanh Min	130.000
		Ngã ba nhà ông Phan Thanh Min	Cổng đồng Ăng ten	110.000
		Cổng đồng Ăng ten	Giáp ranh xã Ea Yêng	100.000
		Hết ranh trạm y tế xã Cư Kty	Ngã ba Rừng le	200.000
		Ngã ba Rừng le	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Kim Tuấn	130.000
		Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Kim Tuấn	Hết đất vườn nhà ông Bùi Quang	100.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			90.000
III	Xã Cư Pui			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Phong	Ngã ba đường đi buôn Ngô	280.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Ngã ba đường đi buôn Ngô	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Khiêm (Buôn Lăk)	120.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Khiêm (Buôn Lăk)	Ngã ba nhà ông Bùi Sỹ Giỏi (Buôn Lăk)	400.000
		Ngã ba nhà ông Bùi Sỹ Giỏi (Buôn Lăk)	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Trọng Hoàng (Điện Tân)	200.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Trọng Hoàng (Điện Tân)	Hết ranh giới thửa đất của ông Trần Văn Bường (Điện Tân)	350.000
		Hết ranh giới thửa đất của ông Trần Văn Bường (Điện Tân)	Cầu Điện Tân (Êa Mun)	400.000
		Cầu Điện Tân (Êa Mun)	Ngã ba buôn Khanh (vào Cầu treo)	550.000
		Ngã ba buôn Khanh (vào Cầu treo)	Giáp ranh xã Cư Đrăm	600.000
2	Đườn g giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Đỗ Hữu Đức	Ngã ba đi hang đá Đăk Tuôr	300.000
		Ngã ba đi hang đá Đăk Tuôr	Hết khu dân cư	120.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Song	Đến bờ đập Ea Hmun	120.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Thơ	Hết khu dân cư	120.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Huy	Đầu cầu treo buôn Khanh	120.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Ama Thái	Hết khu dân cư	120.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Lê Cảnh Sáng	Hết khu dân cư	120.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Mí Ne	Hết đất vườn nhà ông Ama Hanh	120.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà bà H'Quang	Hết đất vườn nhà bà H'Rung	120.000
		Ngã ba đường đi buôn Ngô, xã Hoà Phong	Hết ngã ba đầu buôn Ngô A, xã Hòa Phong	110.000
		Cầu treo buôn Khóa	Ngã ba thôn Ea Uôi	110.000
		Ngã ba thôn Ea Uôi	Hết ranh giới vườn nhà ông Giàng A Xánh	150.000
		Hết ranh giới vườn nhà Ông Giàng A Xánh	Hết ranh giới vườn ông Hoàng Trung Tiên	200.000
		Hết ranh giới vườn ông Hoàng Trung Tiên	Hết thôn Cư Tê, xã Cư Pui	120.000
		Ngã ba thôn Ea Lang	Hết ranh giới vườn	150.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			nhà ông Nguyễn Văn Quế	
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			90.000
IV	Xã Dang Kang			
1	Tỉnh lộ 9	Giáp ranh xã Cư Kty	Đầu ranh giới thửa đất vườn bà Lê Thị Hồng (Cư Nun A)	400.000
		Đầu ranh giới thửa đất vườn bà Lê Thị Hồng (Cư Nun A)	Hết đất vườn nhà ông Ama Pai (A)	500.000
		Hết đất vườn nhà ông Ama Pai (A)	Hết đất nhà ông Huỳnh Lộc	700.000
		Hết đất nhà ông Huỳnh Lộc	Hết đất nhà ông Trần Xuân Quý	650.000
		Hết đất nhà ông Trần Xuân Quý	Giáp ranh xã Tân Tiến - huyện Krông Pắc	600.000
2	Đườn g giao thông nông thôn	Ngã ba Hoà Thành	Giáp ranh xã Hoà Thành	400.000
		Ngã ba ông Hà Phiếu (Thôn 1)	Hết đất vườn ông Huỳnh Tỏ (Thôn 3)	350.000
		Hết đất vườn ông Huỳnh Tỏ (Thôn 3)	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hồng	250.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Châu Thị Tao (Thôn 3)	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Văn Dũng	200.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ama Miên (Cư Nun A)	Nhà Văn Hóa Buôn Cư Nun A	150.000
		Nhà ông Trần Đình Tuy (Ko ÊMông)	Hết đất nhà ông Y Jim Byă	150.000
		Ngã 3 nhà ông Đặng Doãn (Buôn Cư Păm)	Hết vườn nhà ông Y Yăm Niê (Buôn Cư Păm)	150.000
		Ngã 3 nhà ông Huỳnh Thanh Hải (Buôn Dang Kang)	Hết vườn nhà ông Y Cep Byă (Buôn Dang Kang)	150.000
		Ngã 3 nhà bà H'Yuôn Niê (Buôn Dang Kang)	Hết vườn nhà ông Y Bhăm Ênuôl (Buôn Dang Kang)	150.000
		Ngã 3 nhà ông Y Nai Niê (Buôn Cư Păm)	Hết vườn nhà ông Y Ngê Niê (Buôn Dang Kang)	150.000
		Ngã ba nhà ông Y Bliết Êban (Buôn Cư Păm)	Hết vườn nhà ông Trần Xuân Hùng (Buôn Cư Păm) đổi tên Y Tă Niê	150.000
		Đầu ranh giới nhà ông Nguyễn Trung Kiên	Hết nhà ông Trần Phú Quỳnh	150.000
		Đầu ranh giới nhà ông Huỳnh Lộc	Hết nhà ông Y Nit	150.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Niê	
		Hết đất vườn nhà ông Ama Pai (A)	Hết vườn nhà ông Y Sam Byă	150.000
		Đầu ranh giới nhà ông Y Bliêc Niê (B)	Hết vườn nhà ông Y Ơt Byă (B)	150.000
		Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Y Nôiê Niê	Hết đất vườn nhà ông Y Năm Ênuôl	150.000
		Đầu ranh giới thửa đất vườn nhà ông Y Bhem Byă	Hết đất vườn nhà ông Y Jing Byă	150.000
		Ngã 3 nhà ông Y Bliăng Niê (Buôn Cư Păm)	Hết đất vườn nhà ông Y Tă Niê	150.000
		Ngã 3 nhà ông Đặng Doãn (Buôn Cư Păm) bổ sung (sâu 50m)	Hết đất vườn nhà ông Y Yăm Niê (đổi tên ông Y Tăc Ayũn)	150.000
		Ngã 3 nhà ông Trần Phú Quốc	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Tấn Hải	200.000
		Ngã 3 nhà ông Dương Văn Tư	Hết đất vườn nhà bà Nguyễn Thị Quý	150.000
		Ngã 3 nhà ông Lê Văn Hữu	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Tấn Bộ	150.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			120.000
V	Xã Ea Trul			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Cầu thôn 3 Ea Trul	200.000
		Cầu thôn 3 Ea Trul	Hết đất vườn nhà ông Trịnh Minh Hùng	300.000
		Hết đất vườn nhà ông Trịnh Minh Hùng	Hết đất vườn nhà ông Bùi Thắng Lực	220.000
		Hết đất vườn nhà ông Bùi Thắng Lực	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Khon	165.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Khon	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Miên Byă	275.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y'Miên Byă	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Y'Duyết	330.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Y'Duyết	Hết ranh giới đất vườn ông Trương Quang Toàn	600.000
		Hết ranh giới đất vườn ông Trương Quang Toàn	Giáp ranh xã Yang Reh	720.000
2	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			100.000
VI	Xã Hòa Lễ			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	Hết đất vườn ông Đoàn Vĩnh Phú (Thôn 2)	396.000
		Hết đất vườn ông Đoàn Vĩnh Phú	Hết đất vườn ông Võ	300.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		(Thôn 2)	Nhựt (Thôn 3)	
		Hết đất vườn ông Võ Nhựt (Thôn 3)	Cầu Hố Kè thôn 4	220.000
		Cầu Hố Kè thôn 4	Đầu ranh Trụ sở UBND xã (Thôn 7)	330.000
		Đầu ranh Trụ sở UBND xã (Thôn 7)	Hết ranh giới thửa đất ông Vũ Xuân Trợ (Thôn 8)	605.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Vũ Xuân Trợ (Thôn 8)	Cầu thôn 8	480.000
		Cầu thôn 9	Giáp ranh xã Hoà Phong	156.000
2	Đườn g giao thông nông thôn	Đầu đường Đông Lễ	Hết trục đường Đông Lễ	240.000
		Ngã ba nhà bà Chu Thị Bích	Ngã ba nhà bà Lê Thị Sáo	165.000
		Giáp ranh giới thửa đất nhà bà Hậu (Thôn 7)	Hết Chợ xã Hoà Lễ (Thôn 5)	250.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Lại (Thôn 2)	Hết đất vườn bà Trần Thị Nguyên (Thôn 2)	165.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			120.000
VII	Xã Hòa Phong			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Hòa Lễ	Cổng chào thôn 4	300.000
		Cổng chào thôn 4	Đầu ranh giới thửa đất Trường THCS Hòa Phong	600.000
		Đầu ranh giới thửa đất Trường THCS Hòa Phong	Hết đất vườn nhà ông Lê Yên	400.000
		Hết đất vườn nhà ông Lê Yên	Hết đất vườn nhà ông Phạm Văn Năm	250.000
		Hết đất vườn nhà ông Phạm Văn Năm	Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Vũ Thị Ong	180.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Vũ Thị Ong	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hữu Thành	300.000
		Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Hữu Thành	Cầu thôn 2	250.000
		Cầu thôn 2	Cây đa Cổng chào thôn 1	220.000
		Cây đa Cổng chào thôn 1	Giáp ranh xã Cư Pui	240.000
2	Đườn g giao thông nông thôn	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tâm	Hết đất vườn ông Mai Viết Tăng	180.000
		Hết đất vườn ông Mai Viết Tăng	Hết khu dân cư thôn 6	150.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Võ Văn Tư (Nga)	Hết ranh giới thửa đất Trường Tiểu học buôn Thliêr	150.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ama Sinh (Ngô B)	Ngã ba đầu buôn Ngô A	100.000
		Ngã ba đầu buôn Ngô A	Hết vườn ông Y Blăng Êung	120.000
		Đầu trường tiểu học thôn Noh Prông (cũ)	Hết vườn ông Hầu Văn Sinh	120.000
		Cuối vườn ông Nguyễn Đăng Dũng	Cuối vườn ông Dương Văn Phình	100.000
		Hết vườn ông Nguyễn Đăng Dũng	Hết vườn ông Thảo	100.000
		Hết vườn ông Thảo	Hết vườn ông Lý Văn Tấu	100.000
		Cổng chào Buôn Phiang	Hết thửa đất nhà ông Y Tiên Byă	120.000
		Đầu vườn ông Ngô Hùng Sinh	Hết vườn nhà ông Vàng	100.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà Võ Thị Nở	Đầu ranh giới trường mẫu giáo thôn 6	100.000
		Từ đầu ranh vườn nhà ông Nguyễn Tấn Quốc (Thôn 5)	Đến hết vườn nhà bà Ngô Thị Thìn (Thôn 6)	150.000
		Hết ranh thửa đất Trường Tiểu học Buôn Tliêr	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Cư Dương (Buôn Tliêr)	150.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			90.000
VII I	Xã Hòa Sơn			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh thị trấn Krông Kmar	Ngã ba nhà Nguyễn Thị Hương	1.500.000
		Ngã ba nhà Nguyễn Thị Hương	Hết đất vườn nhà ông Đỗ Văn Ký	900.000
		Hết đất vườn nhà ông Đỗ Văn Ký	Hết vườn nhà ông Nguyễn Trung Thành	800.000
		Hết vườn nhà ông Nguyễn Trung Thành	Hết đất vườn nhà ông Hồ Mộng Linh	1.000.000
		Hết đất vườn nhà ông Hồ Mộng Linh	Hết cây xăng Thành Tâm (Ông Tàu)	450.000
		Hết cây xăng Thành Tâm (Ông Tàu)	Hết ranh giới trường tiểu học Sơn Tây	800.000
		Hết ranh giới trường tiểu học Sơn Tây	Cầu thôn 2 Hoà Sơn	720.000
		Cầu thôn 2 Hoà Sơn	Hết nhà ông Trần Văn Lý (Bên cạnh nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1)	420.000
		Hết nhà ông Trần Văn Lý (Bên cạnh nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1)	Giáp ranh xã Ea Trul	370.000
2	Đườn	Đầu ranh giới thửa đất ông Nguyễn	Ngã ba nhà ông Lê	260.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	g giao thông nông thôn	Văn Thúy	Thân (Thửa 132, tờ 57)	
		Ngã ba nhà ông Lê Thân (Thửa 132, tờ 57)	Cuối đường đi thôn 7	200.000
		Ngã ba buôn Ja (Cổng N3)	Đến đầu cổng khu du lịch thác Krông Kmar	500.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			130.000
IX	Xã Hoà Tân			
1	Đườn g giao thông nông thôn	Ngã ba cầu Chữ V về hướng Tây	Hết đất vườn ông Hoàng Ngọc Tâm	380.000
		Hết đất vườn ông Hoàng Ngọc Tâm	Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	199.500
		Hết nghĩa địa xã Hoà Tân	Hết ranh giới thửa đất Trường Tiểu học Hoà Tân (Thôn 3)	240.000
		Ngã ba trụ sở UBND xã Hoà Tân	Hết đất vườn nhà ông Nguyễn Ngộ	180.000
		Đầu ranh giới thửa đất Trường Mẫu giáo Hoà Tân (Thôn 6)	Hết đất vườn ông Nguyễn Tiến (Thôn 4)	252.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Hoàng (Thửa 17, tờ 34)	Hết thửa đất nhà ông Phạm Minh Hiếu	120.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Đỗ Lá	Hết vườn nhà ông Lê Viết Mạnh	120.000
2	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			99.000
X	Xã Hoà Thành			
1	Đườn g giao thông nông thôn	Giáp ranh xã Dang Kang	Hết ranh giới thửa đất Trường cấp I Hoà Thành (Thôn 3)	320.000
		Hết ranh giới thửa đất Trường cấp I Hoà Thành (Thôn 3)	Hết đất vườn bà Nguyễn Thị Hồng Hóa (Thôn 4)	260.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Bùi Hữu Hoá (Thôn 5)	Hết đất vườn ông Bùi Văn Hòa (Thôn 6)	160.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Trần Hạ (Thôn 6)	Hết đất vườn ông Lưu Văn Thiên (Thôn 6)	120.000
2	Các trục đường giao thông nông thôn 1, thôn 2, Thôn 3			110.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			90.000
XI	Xã Khuê Ngọc Điền			
1	Tỉnh lộ 9	Ranh giới thị trấn Krông Kmar	Ngã tư Thôn 5	600.000
		Ngã tư Thôn 5	Ngã ba nhà Thanh Hoàng (Thôn 4)	650.000
		Ngã ba nhà Thanh Hoàng (Thôn 4)	Hết thửa đất bà Nguyễn Thị Xanh (Thôn 4)	700.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Hết thửa đất bà Nguyễn Thị Xanh (Thôn 4)	Ngã ba đài tưởng niệm	900.000
		Ngã ba đài tưởng niệm	Ngã ba ông Cảnh (Thôn 2)	650.000
		Ngã ba ông Cảnh (Thôn 2)	Hết ranh giới thửa đất Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	600.000
		Hết ranh giới thửa đất Trạm nguyên liệu thuốc lá Nam	Cầu chữ V, hết ranh xã Khuê Ngọc Điền	500.000
2	Tỉnh lộ 12	Đầu phía Đông Cầu sắt (Khuê Ngọc Điền)	Cổng chùa Phước Lâm	600.000
		Cổng chùa Phước Lâm	Hết lò gạch ông Nguyễn Sĩ (Thôn 9)	500.000
		Hết lò gạch ông Nguyễn Sĩ (Thôn 9)	Giáp ranh xã Hoà Lễ	380.000
3	Đườn g giao thông nông thôn	Ngã ba đường vào Thôn 3	Hết đất nhà ông Lê Văn Ngung (Thôn 4)	380.000
		Hết đất nhà ông Lê Văn Ngung (Thôn 4)	Hết đất vườn nhà ông Đoàn Văn Ny (Thửa 7, tờ 46)	320.000
		Hết đất vườn nhà ông Đoàn Văn Ny (Thửa 7, tờ 46)	Hết khu dân cư Thôn 3	240.000
		Ngã tư Thôn 5	Giáp nương nước qua đường (Đường đi nghĩa địa)	200.000
		Ngã tư Thôn 5	Ngã ba lên Thôn 4	190.000
		Ngã tư nhà ông Nguyễn Mộc (Thôn 5)	Mương nước qua đường	199.800
		Ngã tư nhà ông Nguyễn Vui (Thôn 4)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Cường (Thôn 4)	190.000
		Ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Thành (Thôn 4)	Giáp nương thủy lợi	149.500
		Ngã tư nhà ông Cảnh (Thôn 2)	Giáp cầu Ba Lan	190.000
		Ngã ba nhà ông Nguyễn Đình Nghĩa (Thôn 1)	Hết khu dân cư	150.000
		Đầu trường phân hiệu mẫu giáo Măng Non (Thôn 1)	Hết đất vườn nhà ông Trần Văn Châu (Thôn 1)	150.000
		Đầu trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Đầu vườn nhà ông Phan Tấn Thành	170.000
		Ngã ba nhà ông Đặng Văn Thanh Trung (Thôn 9)	Ngã ba xuống lò gạch ông Xuân	170.000
		Ngã ba lâm trường	Hết ranh giới thửa đất phân hiệu Trường tiểu học Trần Phú (Thôn 6)	220.000
		Ngã ba nhà ông Huỳnh Tấn Cảnh	Ngã ba nhà bà Hoàng	180.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		(Thôn 8)	Thị Nguyệt (Thôn 8)	
4	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			120.000
XII	Xã Yang Mao			
1	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Cư Drăm	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Tấn Chín	144.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Tấn Chín	Cầu Êa Mhăt	180.000
		Cầu Êa Mhăt	Ngã ba đất vườn ông Ama Hin	144.000
		Ngã ba đất vườn ông Ama Hin	Hết đất nhà ông Ama Đun	300.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Amma Đun	Ngã ba đi buôn Mghí	240.000
		Ngã ba đi buôn Mghí	Hết ranh giới thửa đất ông Ama Thìn (B.Kiều)	144.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Ama Thìn (B.Kiều)	Hết khu dân cư buôn Hàng Năm	120.000
2	Đườn g giao thông cấp phối	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Ama Đung	Hết đất vườn nhà bà Tân (Thôn 3)	180.000
		Giáp ranh giới thửa đất nhà bà Tân (Thôn 3)	Cống suối Êa Knol	120.000
		Cống suối Êa Knol	Hết đất vườn nhà ông Đinh Văn Quảng (Thôn 1)	180.000
		Cuối ranh giới thửa đất nhà ông Ama Hin	Giáp Trường THCS Yang Mao	120.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Ama Kiệt	Giáp ranh giới thửa đất bà Trần Nhâm Sáu	120.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			108.000
XII I	Xã Yang Reh			
1	Quốc lộ 27	Cầu Giang Sơn (Giáp ranh huyện Cư Kuín)	Hết đất vườn ông Phạm Văn Ruyến (Thửa 684, tờ 16)	400.000
		Hết đất vườn ông Phạm Văn Ruyến (Thửa 684, tờ 16)	Đầu nghĩa địa buôn Cuah A	200.000
		Đầu nghĩa địa buôn Cuah A	Hết Trường Mẫu giáo buôn Cuah B	160.000
		Hết Trường Mẫu giáo buôn Cuah B	Đầu đất vườn ông Trịnh Ngọc Công (Thửa 983, tờ 19)	250.000
		Đầu đất vườn ông Trịnh Ngọc Công (Thửa 983, tờ 19)	Đầu ranh đất bà Võ Thị Bạch Tuyết (Thửa 45, tờ 60)	550.000

ST T	Tên đườn g	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Đầu ranh đất bà Võ Thị Bạch Tuyết (Thửa 45, tờ 60)	Đầu ranh trụ sở UBND xã Yang Reh	800.000
		Đầu ranh trụ sở UBND xã Yang Reh	Đầu thửa đất ông Ngô Văn Thường (Thửa 16, tờ 64)	1.500.000
		Đầu thửa đất ông Ngô Văn Thường (Thửa 16, tờ 64)	Cầu Tân Đức	600.000
		Cầu Tân Đức	Giáp ranh huyện Lăk	300.000
2	Tỉnh lộ 12	Giáp ranh xã Ea Trul	Cầu Yang Reh	600.000
		Cầu Yang Reh	Giáp ngã ba Yang Reh	700.000
3	Các trục đường giao thông nông thôn còn lại			100.000

7. Giá đất ở tại đô thị:

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thị trấn Krông Kmar			
1	Đường 9-5	Nút giao thông Ngã năm vào khu du lịch Krông Kmar	Ngã ba 9-5 và Lê Hồng Phong	3.600.000
		Ngã ba 9-5 và Lê Hồng Phong	Hết thửa đất nhà ông Bùi Thanh Tịnh (Thửa 1, tờ 62), giáp đường đất	2.400.000
		Hết thửa đất nhà ông Bùi Thanh Tịnh (Thửa 1, tờ 62), giáp đường đất	Hết đất vườn nhà ông Chiến (Giáp đường đất vào đường Má Hai)	2.040.000
		Hết đất vườn nhà ông Chiến (Giáp đường đất vào đường Má Hai)	Hết đất vườn nhà ông Điền (Thửa 53, tờ 10)	1.800.000
		Hết đất vườn nhà ông Điền (Thửa 53, tờ 10)	Giáp ranh xã Hoà Sơn (Giáp nương nước)	1.200.000
		Ngã ba 9-5 và Hai Bà Trưng	Ngã ba 9-5 và Nguyễn Thị Định	2.400.000
		Ngã ba 9-5 và Nguyễn Thị Định	Giáp cống Xi phông	2.040.000
		Từ cống Xi phông	Giáp ngã ba buôn Ja	1.200.000
		Từ ngã ba buôn Ja	Giáp khu vực du lịch Krông Kmar	840.000
2	Đường 30-4	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Giáp nương thuỷ lợi	300.000
		Giáp nương thuỷ lợi	Ngã ba 30-4 và Tản	360.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Đà	
		Ngã ba 30-4 và Tản Đà	Giáp mặt sau Nghĩa trang liệt sĩ huyện	300.000
		Đầu thửa đất nhà ông Trương Hữu Phú (Mương thủy lợi ngã 5, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 52)	Ngã tư 30-4 và Lý Thường Kiệt (Thửa đất ông Đặng Ngọc Cẩn, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 43)	350.000
		Ngã tư 30-4 và Lý Thường Kiệt (Thửa đất ông Đặng Ngọc Cẩn, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 43)	Giáp ngã 3 Tổ dân phố 2 và Tổ dân phố 7	300.000
3	A Ma Pui	Ngã ba A Ma Pui và Hồ Xuân Hương	Ngã ba A Ma Pui và 30-4	350.000
4	Điện Biên Phủ	Ngã ba Điện Biên Phủ và Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Điện Biên Phủ và Võ Văn Kiệt	1.800.000
		Ngã tư Điện Biên Phủ và Võ Văn Kiệt	Ngã ba Điện Biên Phủ và Tôn Đức Thắng	600.000
5	Đinh Núp	Ngã ba Đinh Núp và Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Đinh Núp và Y Ngông	1.800.000
		Ngã tư Đinh Núp và Y Ngông	Ngã tư Đinh Núp và Điện Biên Phủ	1.200.000
6	Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng và Phạm Văn Đồng	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Đinh Tiên Hoàng	1.200.000
7	Hai Bà Trưng	Ngã ba Hai Bà Trưng và 9-5	Ngã tư Hai Bà Trưng và Lạc Long Quân	2.400.000
		Ngã tư Hai Bà Trưng và Lạc Long Quân	Ngã ba Hai Bà Trưng và Lê Quý Đôn	1.800.000
		Ngã ba Hai Bà Trưng và Lê Quý Đôn	Ngã ba Hai Bà Trưng và Điện Biên Phủ	1.200.000
8	Hoàng Hoa Thám	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Hoàng Hoa Thám	Ngã ba Hoàng Hoa Thám và Lê Hồng Phong	1.800.000
9	Hồ Xuân Hương	Ngã ba Hồ Xuân Hương và 30-4 (Giáp mương thủy lợi)	Ngã tư Hồ Xuân Hương và Nam Cao	720.000
		Ngã tư Hồ Xuân Hương và Nam Cao	Ngã ba Hồ Xuân Hương và Lạc Long Quân	1.200.000
		Ngã ba Hồ Xuân Hương và Lạc Long Quân	Ngã ba Hồ Xuân Hương và A Ma Pui	960.000
		Ngã ba Hồ Xuân Hương và A Ma Pui	Ngã ba Hồ Xuân Hương và Tản Đà (Nhà văn hoá tổ dân phố 7)	1.080.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Lạc Long Quân	Ngã ba Lạc Long Quân và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lạc Long Quân và Hồ Xuân Hương	2.400.000
		Ngã ba Lạc Long Quân và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lạc Long Quân và Nguyễn Thị Định	1.440.000
11	Lê Anh Xuân	Ngã ba Lê Anh Xuân và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lê Anh Xuân và Hồ Xuân Hương	1.800.000
12	Lê Hồng Phong	Giáp ranh Trạm Viên thông huyện	Ngã ba Lê Hồng Phong và Má Hai	2.400.000
		Ngã ba Lê Hồng Phong và Má Hai	Ngã ba Lê Hồng Phong và Hoàng Hoa Thám	2.040.000
		Ngã ba Lê Hồng Phong và Hoàng Hoa Thám	Hết thửa đất nhà ông Trần Văn Bạ	1.440.000
13	Lê Lai	Ngã ba Lê Lai và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lê Lai và Đường sau chợ trung tâm huyện	4.800.000
		Ngã ba Lê Lai và Đường sau chợ trung tâm huyện	Ngã ba Lê Lai và Hai Bà Trưng	2.400.000
14	Lê Quý Đôn	Ngã ba Lê Quý Đôn và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Lê Quý Đôn và Hai Bà Trưng	4.800.000
15	Lý Thường Kiệt	Ngã ba Lý Thường Kiệt và Nam Cao	Ngã ba Lý Thường Kiệt và Phạm Văn Đồng	960.000
16	Má Hai	Ngã ba Má Hai và Lê Hồng Phong (Sau TTGD thường xuyên)	Đến cuối đường Má Hai (Ngã ba hướng ra đường 9-5)	1.440.000
17	Nam Cao	Nút giao thông Ngã năm trung tâm huyện	Ngã ba đường hẻm bên cạnh nhà ông Nguyễn Đông (Thửa 22, TBD 43)	4.800.000
		Ngã ba đường hẻm bên cạnh nhà ông Nguyễn Đông (Thửa 22, TBD 43)	Ngã ba Nam Cao và Lý Thường Kiệt	1.800.000
		Ngã ba Nam Cao và Lý Thường Kiệt	Ngã tư Nam Cao và Hồ Xuân Hương	1.440.000
		Ngã tư Nam Cao và Hồ Xuân Hương	Đến hết đường (Thửa đất ông Bùi Đình Sơn)	480.000
18	Nguyễn Công Trứ	Ngã ba Hoàng Hoa Thám và Nguyễn Công Trứ	Ngã tư Nguyễn Công Trứ và Y Ôn	1.200.000
		Ngã tư Nguyễn Công Trứ và Y Ôn	Hết thửa đất nhà ông Huỳnh Bồn	960.000
19	Nguyễn Huệ (Tỉnh lộ 9)	Ngã tư tổ dân phố 6	Đến hết thửa đất Trạm y tế thị trấn	3.900.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Đến hết thửa đất Trạm y tế thị trấn	Mường thủy lợi (Bệnh viện Đa khoa huyện)	3.250.000
		Mường thủy lợi (Bệnh viện Đa khoa huyện)	Cổng chào văn hoá tổ dân phố 8	2.600.000
		Cổng chào văn hoá tổ dân phố 8	Giáp ranh xã Khuê Ngọc Điền	1.950.000
20	Nguyễn Tất Thành (Tỉnh lộ 12)	Giáp ranh xã Hoà Sơn	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Y Ôn	4.200.000
		Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Y Ôn	Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Phạm Văn Đồng	6.000.000
		Ngã ba Nguyễn Tất Thành và Phạm Văn Đồng	Giáp ranh đất Công an huyện	6.600.000
		Giáp ranh đất Công an huyện	Nút ngã 5 vào khu du lịch Krông Kmar	7.200.000
		Nút ngã năm vào khu du lịch Krông Kmar	Giáp chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.400.000
		Giáp chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hết cây xăng dầu Nam Tây nguyên	12.000.000
		Hết cây xăng dầu Nam Tây nguyên	Ngã tư tổ dân phố 6	8.400.000
		Ngã tư tổ dân phố 6	Giáp cầu sắt	3.600.000
21	Nguyễn Thị Định	Ngã ba Nguyễn Thị Định và 9-5	Ngã ba Nguyễn Thị Định và Lạc Long Quân	960.000
22	Phạm Văn Đồng	Ngã tư Phạm Văn Đồng và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Phạm Văn Đồng và Lý Thường Kiệt	1.800.000
		Ngã ba Phạm Văn Đồng và Lý Thường Kiệt	Ngã ba Phạm Văn Đồng và 30-4	600.000
		Hết thửa đất nhà bà Lê Thị Năm	Hết thửa đất nhà ông Phạm Huy Tường	360.000
23	Tản Đà	Ngã ba Tản Đà và Nguyễn Huệ (Bệnh viện đa khoa huyện)	Ngã ba Tản Đà và 30-4	1.440.000
24	Tôn Đức Thắng	Ngã tư tổ dân phố 6	Ngã ba Tôn Đức Thắng và Y Ngông	1.800.000
		Ngã ba Tôn Đức Thắng và Y Ngông	Giáp cầu treo, tổ dân phố 6	1.200.000
25	Tôn Thất Tùng	Ngã ba Tôn Thất Tùng và Nguyễn Huệ (Giáp ruộng thủy lợi bệnh viện)	Ngã ba Tôn Thất Tùng và 30-4	300.000
26	Trần Phú	Ngã ba Trần Phú và	Ngã ba Trần Phú và	960.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Đình Núp	Tôn Đức Thắng (Nhà văn hoá tổ dân phố 6)	
27	Võ Văn Kiệt	Ngã tư Võ Văn Kiệt và Lê Quý Đôn	Ngã tư Võ Văn Kiệt và Điện Biên Phủ	1.800.000
		Ngã tư Võ Văn Kiệt và Điện Biên Phủ	Ngã ba Võ Văn Kiệt và Đình Núp	960.000
28	Y Ngông	Ngã ba Y Ngông và Điện Biên Phủ	Ngã ba Y Ngông và Tôn Đức Thắng	1.440.000
29	Y Jút	Ngã ba Y Jút và Điện Biên Phủ	Ngã ba Y Jút và Tôn Đức Thắng	960.000
30	Y Ôn	Ngã ba Y Ôn và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba Y Ôn và Lê Hồng Phong	1.440.000
		Ngã tư Y Ôn và Đình Tiên Hoàng	Giáp thửa đất nhà ông Phan Thanh Quang	250.000
31	Y Thuyên Ksor	Ngã ba Y Thuyên và Lạc Long Quân	Giáp ngã tư nhà ông Đình Văn Huy	600.000
32	Đường giao thông nội thị	Ngã ba Lê Lai (Sau chợ trung tâm huyện)	Ngã ba Lê Quý Đôn (Sau chợ trung tâm huyện)	2.400.000
		Ngã tư Đình Tiên Hoàng và Phạm Văn Đồng	Giáp đất Công an huyện	480.000
		Đầu thửa đất nhà ông Huỳnh Mai (Sau UB huyện)	Hết thửa đất nhà ông Lê Văn Tài	540.000
		Giáp ngã tư nhà ông Đình Văn Huy	Giáp thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Bá (Sau bưu điện huyện)	480.000
		Ngã ba bên hông sân vận động và Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao nhau với Lê Hồng Phong	420.000
		Ngã ba đường Má Hai (Thửa đất ông Nguyễn Văn Thề)	Giáp ranh xã Hoà Sơn (Giáp nương nước)	600.000
		Ngã ba đường Má Hai (Thửa đất bà Mai Thị Tâm)	Giáp ranh xã Hoà Sơn (Giáp nương nước)	300.000
		Ngã ba Cống Xi Phong và 9-5 (Đường vào suối thanh niên)	Giáp đường bờ kè (Đất ông Lê Duy Phụng)	360.000
		Ngã ba Đài tưởng niệm thị trấn và Nguyễn Huệ	Giáp thửa đất ông Võ Hà Thu (Sau trường THCS Nguyễn Viết Xuân)	600.000
33	Đường phía sau khu dân cư mới giáp cây xăng Nam	Hết thửa 120, tờ 38	Hết thửa 15, tờ 30	3.600.000
		Ngã tư Nguyễn Tất Thành vào Khu dân cư mới (Thửa 74, tờ 30)	Hết Thửa 118, tờ 30	4.200.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tây Nguyên			
34	Các trục đường giao thông đô thị còn lại			240.000

8. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

9. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

10. Bảng giá đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất được quy định theo giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở. Đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước cho thuê đất: quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh,

11. Bảng giá đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.